

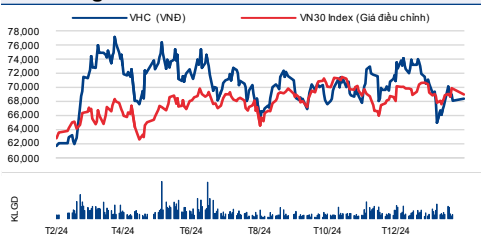
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ91,600
Tiềm năng tăng/giảm: 33.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (3/2/2025)	68,400
Mã Bloomberg	VHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	61,700-77,127
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	68,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	15,315
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	605
Slg CP lưu hành (tr.đv)	224
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	224
Slg CP NN được mua (tr.đv)	160
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	28.6%
Tỷ lệ freefloat	56.7%
Cổ đông lớn	Trương Thị Lệ Khanh (43.3%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	10,033	12,636	14,004
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,398	1,811	2,013
LNTT (tỷ đồng)	1,145	1,502	1,695
LNT ĐC (tỷ đồng)	919	1,195	1,349
FCF (tỷ đồng)	(131)	(601)	2,200
EPS ĐC (đồng)	5,000	5,337	6,024
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	44,629	43,865	49,412
T. trưởng EBITDA (%)	(45.9)	29.6	11.1
T. trưởng EPS ĐC (%)	(53.6)	27.8	(5.72)
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.9	14.3	14.4
Tỷ suất LNTT (%)	11.4	11.9	12.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.16	9.46	9.63
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.0	31.3	33.2
Nợ thuần/VCSH (%)	24.5	20.7	12.5
ROAE (%)	11.6	13.2	12.9
ROACE (%)	12.0	14.3	13.8
EV/doanh thu (lần)	1.48	1.37	1.19
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.6	9.56	8.28
P/E ĐC (lần)	13.7	12.8	11.4
P/B (lần)	1.53	1.56	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	2.92	2.92	2.92

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VHC là công ty xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Thị trường xuất khẩu chính gồm: Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2024: Lợi nhuận thuần tăng 6 lần so với cùng kỳ nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện

- Doanh thu thuần Q4/2024 tăng mạnh 34,1% so với cùng kỳ đạt 3.206 tỷ đồng, và lợi nhuận thuần tăng mạnh 504% so với cùng kỳ đạt 425 tỷ đồng nhờ doanh thu tăng mạnh và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện, vượt 9% so với dự báo của HSC.
- Doanh thu thuần năm 2024 đạt 12.535 tỷ đồng (tăng trưởng 24,9%) và lợi nhuận thuần đạt 1.234 tỷ đồng (tăng trưởng 34,2%), đạt lần lượt 99,2% và 103% dự báo cho cả năm của chúng tôi.
- VHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,5 lần, cao hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 9,3 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

VHC công bố KQKD Q4/2024 vững chắc với doanh thu thuần đạt 3.206 tỷ đồng, tăng 34,1% so với cùng kỳ nhưng giảm 2,2% so với quý trước. Lợi nhuận thuần tăng mạnh đạt 425 tỷ đồng, tăng 504% so với cùng kỳ và tăng 32,6% so với quý trước, vượt 7% so với dự báo 391 tỷ đồng của HSC.

Tăng trưởng doanh thu đến từ doanh thu cá tra tăng 53% so với cùng kỳ và doanh thu phụ phẩm tăng 38,7% so với cùng kỳ. Tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ được hỗ trợ bởi doanh thu cao hơn và tỷ suất lợi nhuận gộp được cải thiện lên mức 18% từ 10,2% trong Q4/2023 và 17,7% trong Q3/2024.

Tính chung cả năm 2024, doanh thu thuần đạt 12.535 tỷ đồng, tăng trưởng 24,9% và lợi nhuận thuần tăng mạnh đạt 1.234 tỷ đồng, tăng trưởng 34,2%. KQKD này đạt lần lượt 99,2% và 103% dự báo cả năm của HSC về doanh thu và lợi nhuận thuần.

Doanh thu cá tra tăng trưởng ấn tượng

Trong Q4/2024, doanh thu mảng cá tra đạt 1.850 tỷ đồng, tăng ấn tượng 53% so với cùng kỳ nhờ sản lượng xuất khẩu tăng mạnh (40,2% so với cùng kỳ) và giá bán bình quân tăng (7,5% so với cùng kỳ). Doanh thu phụ phẩm cũng tăng mạnh 38,7% so với cùng kỳ đạt 505 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu collagen & gelatin giảm 33,6% xuống 142 tỷ đồng. Doanh thu các mảng khác (bao gồm thức ăn chăn nuôi, dầu cá...) đạt 677 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ, doanh thu các sản phẩm giá trị gia tăng cũng tăng 11,5% so với cùng kỳ đạt 29 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024 & cả năm 2024, VHC

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	2,390	3,206	34.1%	10,033	12,535	24.9%
Giá vốn hàng bán	(2,147)	(2,628)	22.4%	(8,540)	(10,644)	24.6%
Lợi nhuận gộp	243	578	137.2%	1,493	1,891	26.7%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	10.2%	18.0%		14.9%	15.1%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	36.3	98.2	170.6%	148.5	206.6	39.1%
Lợi nhuận từ các cty LD, LK	0	1	224.7%	1	2	179.7%
Chi phí QL&BH	(155)	(202)	30.0%	(524)	(639)	21.9%
Chi phí QL&BH / Doanh thu (%)	6.5%	6.3%		5.2%	5.1%	
Lợi nhuận HĐ	125	474	280.5%	1,118	1,461	30.7%
Thu nhập khác	11	6	-44.4%	27	35	30.5%
LNTT	136	481	254.3%	1,145	1,496	30.7%
LNST	90	441	386.8%	974	1,311	34.6%
Lợi nhuận thuần	70	425	504.9%	919	1,234	34.2%

Nguồn: VHC

Tính chung cả năm 2024, doanh thu tất cả các mảng đều tăng trưởng. Doanh thu cá tra đạt 6.949 tỷ đồng, tăng trưởng 25,5%. Doanh thu phụ phẩm đạt 1.850 tỷ đồng, tăng trưởng 10,8%, doanh thu collagen & gelatin tăng trưởng 7,4% đạt 773 tỷ đồng, và doanh thu sản phẩm giá trị gia tăng đạt 145 tỷ đồng (tăng trưởng 13,3%). Doanh thu các mảng còn lại đạt 2.770 tỷ đồng, tăng trưởng 44,3%.

Thị trường Mỹ thúc đẩy tăng trưởng

Trong Q4/2024, doanh thu tại thị trường Mỹ tăng trưởng ấn tượng 74% so với cùng kỳ đạt 1.020 tỷ đồng, đóng góp 31,8% tổng doanh thu.

Doanh thu tại thị trường Trung Quốc cũng rất ấn tượng, tăng 45,4% so với cùng kỳ đạt 317 tỷ đồng. Doanh thu tại thị trường EU tăng 26,2% so với cùng kỳ đạt 525 tỷ đồng.

Tính chung 12 tháng năm 2024, doanh thu tại thị trường Mỹ tăng trưởng ấn tượng 32,9% đạt 3.937 tỷ đồng, đóng góp 31,5% tổng doanh thu của VHC. Doanh thu tại thị trường EU tăng trưởng 19,5% đạt 2.117 tỷ đồng, đóng góp 17% tổng doanh thu của VHC. Trong khi đó, doanh thu tại thị trường Trung Quốc đạt 1.248 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ 5,6% và đóng góp 10% tổng doanh thu của VHC.

Tỷ suất lợi nhuận gộp được cải thiện nhờ sản lượng và giá bán bình quân tăng

Trong Q4/2024, lợi nhuận gộp tăng mạnh 137,2% so với cùng kỳ đạt 578 tỷ đồng nhờ doanh thu tăng mạnh và tỷ suất lợi nhuận gộp được cải thiện lên mức 18%, nhờ khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 175 tỷ đồng. Nếu không tính đến khoản hoàn nhập này, tỷ suất lợi nhuận gộp thực tế Q4/2024 ở mức 15,1%, vẫn cao hơn mức 10,2% trong Q4/2023. Tỷ suất lợi nhuận gộp này cải thiện là nhờ sản lượng tăng (40% so với cùng kỳ) và giá bán bình quân tăng (7,5% so với cùng kỳ). So với tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2024 ở mức 17,7%, tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 công bố cao hơn 30 điểm cơ bản, nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp thực tế Q4/2024 giảm so với quý trước chủ yếu do giá bán bình quân giảm khoảng 4%.

Tính chung cả năm 2024, lợi nhuận gộp đạt 1.891 tỷ đồng, tăng trưởng 26,7%, tương đương tỷ suất lợi nhuận gộp là 15,1%, cao hơn mức 14,9% trong năm 2023. Lưu ý, VHC đã ghi nhận tổng cộng 175 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (so với 25 tỷ đồng trích lập dự phòng trong năm 2023). Nếu không tính đến khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 175 tỷ đồng này, lợi nhuận gộp HĐKD cốt lõi năm 2024 đạt 1.716 tỷ đồng (tăng trưởng 15%), tương đương tỷ suất lợi nhuận gộp ở mức 13,7%.

Lợi nhuận tài chính tốt và chi phí quản lý & bán hàng giảm giúp hỗ trợ lợi nhuận

Trong Q4/2024, VHC ghi nhận lợi nhuận tài chính 98 tỷ đồng, tăng 170,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do lãi tỷ giá ròng tăng 13,7% so với cùng kỳ đạt 86 tỷ đồng và thu nhập lãi ròng đạt 12 tỷ đồng (tăng 123% so với cùng kỳ). Tính chung cả năm 2024, lợi nhuận tài chính tăng trưởng 39% đạt 207 tỷ đồng.

Trong khi đó, chi phí quản lý & bán hàng trong Q4/2024 tăng 30% so với cùng kỳ ở mức 202 tỷ đồng, thấp hơn mức tăng trưởng doanh thu 34% so với cùng kỳ. Điều này tương ứng với tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu là 6,3% so với mức 6,5% trong Q4/2023. Tính chung cả năm 2024, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu đạt 5,1% so với mức 5,2% trong năm 2023.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với VHC với giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 91.600đ (tiềm năng tăng giá 33,9%). VHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,5 lần, cao hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 9,3 lần.

HSC giữ nguyên dự báo cho năm 2025 với lợi nhuận thuần đạt 1.394 tỷ đồng (tăng trưởng 10%) trên doanh thu thuần 14.004 tỷ đồng (tăng trưởng 11,7%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm, VHC

Tỷ đồng	Q4/2023	Q4/2024	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng
Cá tra	1,209	1,850	53.0%	5,537	6,949	25.5%
Phụ phẩm	364	505	38.7%	1,669	1,850	10.8%
Collagen & gelatin	214	142	-33.6%	720	773	7.4%
Sản phẩm GTGT	26	29	11.5%	128	145	13.3%
Sản phẩm khác	605	677	11.9%	1,920	2,770	44.3%
Tổng	2,418	3,203	32.5%	9,974	12,487	25.2%

Nguồn: VHC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường, VHC

Tỷ đồng	Q4/2023	Q4/2024	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng
Mỹ	586	1,020	74.1%	2,963	3,937	32.9%
EU	416	525	26.2%	1,772	2,117	19.5%
Trung Quốc	218	317	45.4%	1,182	1,248	5.6%
Các thị trường còn lại	1,198	1,341	11.9%	4,056	5,185	27.8%
Tổng	2,418	3,203	32.5%	9,973	12,487	25.2%

Nguồn: VHC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	13,239	10,033	12,636	14,004	15,464
Lợi nhuận gộp	2,974	1,493	1,913	2,302	2,487
Chi phí BH&QL	(721)	(524)	(594)	(785)	(867)
Thu nhập khác	34.4	50.0	65.8	0	0
Chi phí khác	(30.7)	(23.2)	(27.2)	0	0
EBIT	2,257	996	1,358	1,517	1,620
Lãi vay thuần	63.3	148	144	178	186
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.22	0.80	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	2,320	1,145	1,502	1,695	1,806
Chi phí thuế TNDN	(306)	(171)	(225)	(254)	(270)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(37.7)	(54.6)	(82.3)	(92.9)	(99.0)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,977	919	1,195	1,349	1,437
Lợi nhuận thuần ĐC	1,977	919	1,195	1,349	1,437
EBITDA ĐC	2,584	1,398	1,811	2,013	2,161
EPS (đồng)	10,780	5,000	6,389	6,024	6,417
EPS ĐC (đồng)	10,780	5,000	5,337	6,024	6,417
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	183	184	187	224	224
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	183	187	224	224	224
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	183	187	224	224	224

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	554	233	209	363	600
Đầu tư ngắn hạn	1,767	2,069	2,069	3,660	4,392
Phải thu khách hàng	2,432	1,578	2,553	2,572	2,779
Hàng tồn kho	2,713	3,763	4,388	3,448	3,571
Các tài sản ngắn hạn khác	172	245	228	259	314
Tổng tài sản ngắn hạn	7,638	7,888	9,446	10,301	11,656
TSCĐ hữu hình	3,088	3,081	3,355	3,540	3,730
TSCĐ vô hình	301	463	436	408	380
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	55.9	55.9	50.0	50.0	50.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	10.5	11.3	11.3	11.3	11.3
Tài sản dài hạn khác	487	444	459	438	442
Tổng tài sản dài hạn	3,942	4,054	4,311	4,448	4,614
Tổng cộng tài sản	11,580	11,943	13,757	14,748	16,270
Nợ ngắn hạn	2,214	2,157	2,035	1,535	1,535
Phải trả người bán	448	309	451	475	514
Nợ ngắn hạn khác	732	617	729	812	900
Tổng nợ ngắn hạn	3,694	3,233	3,415	3,071	3,199
Nợ dài hạn	175	102	178	178	178
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	5.98	8.06	8.06	8.06	8.06
Nợ dài hạn khác	0.34	0.30	0.30	0.30	0.30
Tổng nợ dài hạn	181	110	186	186	186
Tổng nợ phải trả	3,884	3,351	3,610	3,266	3,394
Vốn chủ sở hữu	7,525	8,348	9,822	11,064	12,358
Lợi ích cổ đông thiểu số	171	244	326	419	518
Tổng vốn chủ sở hữu	7,696	8,591	10,148	11,482	12,876
Tổng nợ phải trả và VCSH	11,580	11,943	13,757	14,748	16,270
BVPS (đ)	41,036	44,629	43,865	49,412	55,193
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,835	2,026	2,004	1,350	1,113

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	2,257	996	1,358	1,517	1,620
Khấu hao	(327)	(402)	(454)	(496)	(541)
Lãi vay thuần	63.3	148	144	178	186
Thuế TNDN đã nộp	(63.0)	(315)	(225)	(254)	(270)
Thay đổi vốn lưu động	(1,592)	(470)	(1,356)	1,077	(233)
Khác	270	(67.0)	(165)	(16.5)	(17.9)
LCT thuần từ HKKD	1,199	546	65.1	2,819	1,641
Đầu tư TS dài hạn	(1,114)	(677)	(666)	(619)	(668)
Góp vốn & đầu tư	(2,213)	(3,552)	0	0	0
Thanh lý	13.5	4.49	0	0	0
Khác	1,807	3,431	373	401	413
LCT thuần từ HĐĐT	(1,507)	(793)	(292)	(218)	(256)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	184	56.7	0	0	0
Tăng/giảm nợ	485	(129)	204	(2,447)	(1,148)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	669	(72.5)	204	(2,447)	(1,148)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	195	554	233	209	363
LCT thuần trong kỳ	361	(320)	(23.7)	154	237
Ảnh hưởng của tỷ giá	(2.76)	(1.58)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	554	232	209	363	600
Dòng tiền tự do	84.8	(131)	(601)	2,200	972

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	22.5	14.9	15.1	16.4	16.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.5	13.9	14.3	14.4	14.0
Tỷ suất LNT (%)	14.9	9.16	9.46	9.63	9.29
Thuế TNDN hiện hành (%)	13.2	15.0	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	46.2	(24.2)	25.9	10.8	10.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	75.0	(45.9)	29.6	11.1	7.37
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	79.9	(53.5)	30.0	12.9	6.53
Tăng trưởng EPS (%)	78.5	(53.6)	27.8	(5.72)	6.53
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	78.5	(53.6)	6.74	12.9	6.53
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	18.6	40.0	31.3	33.2	31.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.7	11.6	13.2	12.9	12.3
ROACE (%)	32.4	12.0	14.3	13.8	13.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.30	0.85	0.98	0.98	1.00
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.53	0.55	0.05	1.86	1.01
Số ngày tồn kho	96.5	161	149	108	100
Số ngày phải thu	86.5	67.4	86.9	80.2	78.1
Số ngày phải trả	15.9	13.2	15.4	14.8	14.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	24.7	24.5	20.7	12.5	9.26
Nợ/tài sản (%)	20.8	19.1	16.3	11.8	10.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.93	1.63	1.24	0.86	0.81
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.07	2.44	2.77	3.35	3.64
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.09	1.48	1.37	1.19	1.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.56	10.6	9.56	8.28	7.60
P/E (lần)	6.34	13.7	10.7	11.4	10.7
P/E ĐC (lần)	6.34	13.7	12.8	11.4	10.7
P/B (lần)	1.67	1.53	1.56	1.38	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	2.92	2.92	2.92	2.92	2.92

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn